TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ LANG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 15-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Văn Doanh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Tướng.

Ông Lục Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Dim - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 647/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hà Thị N, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1982, tại phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Giang N1 và bà Nông Thị H (đã chết); chồng: Lê Đắc T (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 25/5/2014 bị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phạt 20.000.000 đồng về tội "Đánh Bạc" tại Bản án số 42/2014/HSST, đã đương nhiên được xoá án tích.

- Ngày 06/11/2017 bị Công an phường H xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/02/2024 đến ngày 08/3/2024 được trả tự

do nhưng bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1985, tại Trạm y tế thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tạm trú tại: Xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Năng H1 (đã chết) và bà Đinh Thị B; chồng: Nông Đức T2; con: Có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/02/2024 đến ngày 08/3/2024 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lục Quang C, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Anh Hà Đức C1, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ A phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

Người làm chứng:

- Anh Lý Đức T3, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Xóm L, Xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Tạm trú tại: Phường Đ, Thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

- Ông Đinh Ngọc M, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tạm trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 13 giờ 30 phút, ngày 28/02/2024, Tổ công tác Công an huyện H phối hợp với Công an xã A, huyện H làm nhiệm vụ tại khu vực xóm S, xã A, huyện H phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai Grand i10 màu trắng Biển kiểm soát (BKS) 11A-099.67 đang lùi vào đoạn đường rẽ xóm L, xã V. Gần đó, có 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Soluto màu trắng BKS 11A-084.60 đỗ bên phải đường tỉnh lộ 207 theo hướng đi thị trấn T, cách khoảng 18 m là xe ôtô bán tải màu trắng, không xác định được BKS. Khi đang kiểm tra xe 11A-099.67 thì chiếc xe bán tải không rõ biển số bỏ chạy theo hướng về thị trấn T. Tổ công tác đã truy đuổi nhưng không kịp.

Kiểm tra xe 11A- 099.67, tại hàng ghế sau có 14 (mười bốn) bao tải dứa màu cam được buộc kín, bên trong chứa nhiều mảnh nhỏ có chất sừng màu đen, độ lớn không đều nhau, có hình nan quạt mặt có bờ mép sắc, giống vảy của loài tê tê. Xe này do Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1985 điều khiển, người ngồi ở

ghế phụ là ông Đinh Ngọc M, sinh năm 1968, trú tại: Tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Kiểm tra xe 11A- 084.60 do Hà Thị N, sinh năm 1982 điều khiển, ngồi ở ghế phụ là Lý Đức T3, sinh năm 2000. Trú tại xóm L, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng, qua kiểm tra không phát hiện có gì. Khám người Hà Thị N có thu giữ 01 (một) điện thoại di động IPHONE 12 Promax, 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen, dạng bàn phím đều đã qua sử dụng; thu của Nguyễn Thị Thu T1 01 (một) điện thoại di động IPHONE 13 Promax đã qua sử dụng. Tất cả các vật chứng nêu trên đều được lập biên bản và niêm phong theo quy định, 02 xe ô tô và 04 người được đưa về trụ sở để làm rõ.

Ngày 01/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã tiến hành cân xác định khối lượng số vảy tê tê chứa trong 14 bao tải, có tổng khối lượng là 140 kg. Lấy mẫu và ra quyết định trưng cầu giám định gửi Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, với kết luận: Là vảy của loài Tê tê Java, tên khoa học M1 javanica có tên trong Phụ lục I. Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ban hành kèm theo Thông báo số 25/TB-CTVN ngày 17/02/2023 của Cơ quan thẩm quyền quản lý C4 và có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021.

Quá trình điều tra xác định được: Đầu tháng 2 năm 2024, Hà Thị N có quen biết với một người Trung Quốc qua ứng dụng W, người này cần mua vảy của loài tê tê và cho số điện thoại 0826.297.434 của người đàn ông Việt Nam để giao dịch. Ngày 26/02/2024 người đàn ông này đã liên lạc với N là sẽ mua 150 kg vảy tê tê với giá 4.300.000đ/1kg. Thấy vậy, N liên lạc với Nguyễn Thị Thu T1 và cùng thống nhất được với nhau về việc chia lợi nhuận. Sau đó, T1 đã liên lạc với người đàn ông có Quốc tịch Lào qua W và người này cũng cho số điện thoại của người đàn ông sẽ chuyển hàng cho T1 và thông báo tiền mua hàng là 80.000.000 đồng, T1 đã yêu cầu đặt cọc và N đã chuyển vào tài khoản của T1 là 30.000.000 đồng. T1 đã trả tiền cho người đàn ông tại dốc "Cứu hoả" thuộc phường S, thành phố C. Khoảng 07 giờ ngày 28/02/2024, người đàn ông có ních "Lào" thông báo là vảy Tê tê đã đến thành phố C, giao hàng ở đâu thì T1 yêu cầu chở hàng bằng xe ô tô đến nhà N tại tổ A, phường S. Sau khi bốc hàng lên xe, người đàn ông giao hàng đi về còn T1 ở lại yêu cầu N trả nốt số tiền hàng, N nói bán hàng xong mới có tiền trả nên T1 đã cùng thống nhất với N đi vào Hạ Lang và xe của T1 sẽ chở số vảy Tê tê, còn xe của N đi trước để cảnh giới. Trước khi xuất phát, T1 quay về nhà, đón cậu ruột là Đinh Ngọc M, còn N cũng hẹn với Lý Đức T3 đi H chơi. Khi đi M và T3 đều không biết T1 và N chở vảy Tê tê đi bán từ hôm trước nên vào lúc 10 giờ ngày 28/3/2024, T3 đã chủ động xuống nhà của N để cùng đi, khi đi T3 cũng không biết việc N cùng T1 buôn bán vảy Tê tê. Khi đến Án Lại thuộc xã N, huyện H, N thông báo cho T1 đi theo Nguyên qua đường xã N ra Q để tránh sự kiểm soát của cơ quan chức năng. Khi xe còn cách thị trấn T khoảng 03 km thì bị khám xét, bắt giữ.

Chiếc xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu Huyndai Grand i10 BKS11A - 099.67 do Nguyễn Thị Thu T1 điều khiển là tài sản của ông Lục Quang C, trú tại: Bản Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng cho T1 mượn vào ngày 27/2/2024, khi

mượn xe T1 có nói là đi khám bệnh, ông C không biết T1 dùng xe để chở vảy Tê tê. Chiếc xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu KIA Soluto BKS: 11A - 084.60 do Hà Thị N điều khiển là tài sản của anh Hà Đức C1, trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng cho N mượn vào sáng 28/2/2024, khi mượn xe Nguyên chỉ nói với anh C1 là mượn xe đi có chút việc, anh C1 không biết N mượn xe để chở hàng phạm pháp. Do ông Lục Văn C2, anh Hà Đức C1 không có lỗi trong việc cho mượn xe nên Cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả xe cho chủ sở hữu vào ngày 26/4/2024.

Đối với 02 chiếc điện thoại của N và 01 chiếc điện thoại của T1 được xác định là công cụ, phương tiện được sử dụng trong quá trình phạm tội. Đối với số thuê bao 0826297434, được Trung tâm K xác định là thuê bao trả trước, tên đăng ký là Hoàng Văn C3, sinh ngày 20/11/1979, có địa chỉ: Xóm K, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, được kích hoạt sử dụng từ ngày 05/8/2021. Tuy nhiên khi xác minh với ông C3 thì ông C3 đã không sử dụng thuê bao này từ năm 2022 và khi cho nhận dạng ông C3 thì N xác định không phải người đàn ông này là người đặt mua Tê tê.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSHL ngày 16/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hà Thị N, Nguyễn Thị Thu T1 về tội: "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Hà Thị N, Nguyễn Thị Thu T1 thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung mà bản Cáo trạng đã nêu, cả 02 bị cáo đều đề nghị được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính và cung cấp cho hội đồng xét xử biên lai về số tiền đã nộp phạt, trong đó T1 đã nộp 300.000.000 đồng, N đã nộp 150.000.000 đồng, số còn lại các bị cáo sẽ nộp phạt trong thời gian sớm nhất.

Trong các bản khai tại Cơ quan điều tra, ông Lục Quang C và anh Hà Đức C1 đều xác nhận đã nhận lại xe ô tô và đều không có yêu cầu bồi thường gì đối với xe trong thời gian bị thu giữ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 35 BLHS. Tuyên bố bị cáo Hà Thị N, bị cáo Nguyễn Thị Thu T1 phạm tội: "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp quý, hiếm"; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS với tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo đối với 02 bị cáo. Riêng bị cáo N được áp dụng thêm tình tiết người phạm tội là phụ nữ có thai được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, 02 bị cáo còn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS do T1 có ông nội và ông nội của chồng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ; gia đình N là người hương khói và thờ cúng liệt sỹ chống Mỹ. Đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, cụ thể xử phạt bị cáo N từ 570.000.000 đồng đến 650.000.000 đồng; xử phạt bị cáo T1 từ 550.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Tịch thu tiêu huỷ 14

bao tải màu cam bên trong chứa vảy Tê tê; tịch thu phát mại sung công quỹ đối với 03 chiếc điện thoại của 02 bị cáo đã dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người và cơ quan tiến hành tố tụng và không tranh luận với các quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi mà bị cáo đã thực hiện và các yếu tố cấu thành tội phạm:

Do có sự quen biết từ trước, vào đầu tháng 02/2024 Hà Thị N có trao đổi với Nguyễn Thị Thu T1 về việc có người tìm mua vảy Tê tê, sau khi thống nhất về giá mua là 80.000.000 đồng/140 kg và giá bán là 4.300.000 đồng, T1 đã liên lạc qua mạng Wechat với người đàn ông có quốc tịch Lào và được người này cung cấp số điện thoại của 01 người đàn ông Việt Nam đang cư trú tại Cao Bằng nhưng không biết họ tên, địa chỉ và người đàn ông này sẽ có trách nhiệm giao hàng và nhận tiền với T1, N đã giao tiền cọc cho T1 là 30.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T1 đã đưa cho người đàn ông này số tiền đặt cọc và giao hàng tại nhà N tại tổ A, phường S, thành phố C. Giao hàng xong người đàn ông lái xe ô tô đi về, còn T1 ở lại yêu cầu N trả thêm 50.000.000 đồng tiền hàng, N nói với T1 là bán hàng xong mới có tiền, nên cả 02 người cùng thống nhất xe ô tô của T1 chở vảy Tê tê đi sau, còn xe ô tô của N đi trước cảnh giới đối với lực lượng chức năng. Khoảng 13 giờ 20 phút khi còn cách thị trấn T, huyện H 03 km, N dùng điện thoại liên lạc và trực tiếp gặp người mua tại xe ô tô của người mua dừng ở ven đường, sau khi thống nhất với người mua N đã gọi T1 chở hàng đến để giao. Khi đang chuẩn bị giao hàng thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, người mua đã bỏ chạy bằng xe ô tô trốn thoát. Số vảy Tê tê bị thu giữ có trọng lượng là 140 kg, được Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật kết luận là: Vảy của loài Tê tê Java, tên khoa học M1 javanica có tên trong Phụ lục I. Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và có tên trong Nhóm IB, Danh mục

thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ.

Khi thực hiện hành vi mua bán vảy Tê tê, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi đã cố ý thực hiện việc mua bán. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và hoàn toàn thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm nên có đủ căn cứ để xác định Hà Thị N và Nguyễn Thị Thu T1 có hành vi buôn bán sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang truy tố các bị cáo về tội: "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp quý hiếm" theo điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, các bị cáo đều là người thực hành, tội phạm đã thực hiện là có tổ chức nhưng mang tính chất giản đơn. Trong đó, T1 là người tìm nguồn hàng để mua, N là người tìm nơi tiêu thụ rồi cùng nhau chở hàng đi bán, lời lãi thu được sẽ chia đôi. Theo Điều 244 BLHS có quy định về hình phạt về tội danh này như sau: *"Người nào vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

a) Săn, bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này".

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi phạm tội, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo N đang mang thai tại thời điểm xét xử là 07 tuần tuổi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS. Gia đình bị cáo N được công nhận gia đình thờ cúng liệt sỹ Hà Văn S, bị cáo T1 có ông nội và ông nội của chồng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, cần được áp dụng cho 02 bị cáo khi quyết định hình phạt.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và ý kiến đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính mà Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên toà. Xét thấy: Trước khi xét xử, thực tế bị cáo T1 đã nộp tiền tại Cơ quan Thi hành án là 300.000.000 đồng, bị cáo N đã nộp 150.0000.000 đồng. Tại phiên toà, các bị cáo đã chứng minh có đủ khả năng đáp ứng được điều kiện phạt tiền, nên cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 02 bị cáo theo Điều luật đã quy định là có căn cứ để thi hành.

[4] Về các vấn đề có liên quan: Trong vụ án này, các bị cáo N, T1 đã mượn xe ô tô của ông Lục Quang C, anh Hà Đức C1 để làm phương tiện chuyên chở hàng hoá phạm tội. Tuy nhiên, khi cho mượn xe anh C và anh C1 đều không biết các bị cáo dùng xe của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên không có lỗi, nên cơ quan điều tra đã trả lại xe là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Đinh Ngọc M, anh Lý Đức T3 là những người đi cùng xe của T1, N vận chuyển vảy Tê tê vào H để bán nhưng ông M, anh T3 đều không biết T1 và N vận chuyển vảy Tê tê đi bán nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người bán vảy tê tê cho T1 và người mua Tê tê với N, do không xác định được danh tính, địa chỉ nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với anh Hoàng Văn C3 là người đăng ký, sử dụng số thuê bao 0826297434, sau khi xác minh, điều tra thì anh C3 không sử dụng số thuê bao này từ năm 2022 nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[4] Về vật chứng bị thu giữ và trách nhiệm dân sự:

Đối với số vảy Tê tê là mặt hàng nhà nước cấm vận chuyển, mua bán dưới mọi hình thức nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 02 chiếc điện thoại của N và 01 chiếc điện thoại của T1 do đã sử dụng làm phương tiện khi mua bán hàng hoá bất hợp pháp nên cần tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 02 chiếc xe ô tô mà các bị cáo dùng làm phương tiện chuyên chở vảy Tê tê đi bán, khi bị bắt cả 02 xe đều bị giữ gần 02 tháng, đã làm ảnh hưởng đến việc đi lại của các chủ sở hữu. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra ông C3, anh C1 không có yêu cầu bồi thường về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 244; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Hà Thị N, Nguyễn Thị Thu T1. Riêng bị cáo N được áp

dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Thị N, Nguyễn Thị Thu T1 phạm tội "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm".

2. Về hình phạt: Áp dụng Điều 35 BLHS, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 02 bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Hà Thị N 580.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 150.000.000 đồng, số tiền mà bị cáo còn phải nộp là 430.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T1 550.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 300.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 250.000.000 đồng.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS);

- Tịch thu tiêu huỷ 14 bao tải màu cam bên trong chứa đựng vảy Tê tê và 01 hộp Carton bên trong chứa vảy Tê tê do V hoàn lại mẫu.

- Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím đã qua sử dụng của Hà Thị N để phát mại, sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Thu T1 để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hà Thị N, Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- Công an huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND nơi bị cáo cư trú (bằng t/b);
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lục Văn Doanh